

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2019

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông K’Dung

Bà Đoàn Thị Ánh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2019 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Khánh L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Trụ sở: xx L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thế H – Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1986, chức vụ : Cán bộ tín dụng Agribank chi nhánh huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(chị L có mặt, anh H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Tú có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Trương Thị Khánh L trình bày: Chị L và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau khiến cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Hơn nữa, sau này anh H còn nghiện ma túy nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, chị không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện nay do mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 01/01/2006 và Lê Quang L, sinh ngày 16/9/2012. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai cháu và đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung chị L đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Lê Văn H trình bày: Anh H và chị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm xa nhà, chị L ở nhà có những dư luận không tốt và do mê muội nên chị L muốn ly hôn với anh. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L và do các con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn mà muốn cố gắng tìm cách để cải thiện tình cảm gia đình.

Về con chung, anh H xác định vợ chồng có hai con chung là Lê Quang H, sinh ngày 01/01/2006 và Lê Quang L, sinh ngày 16/9/2012. Khi ly hôn, anh H đề nghị được nuôi cháu Lê Quang H còn cháu Lê Quang L còn nhỏ thì giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không ý kiến thắc mắc gì về mặt chứng cứ nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh H; về con chung chị L yêu cầu được nuôi cháu Long; về tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Khánh L. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của con, giao cháu Lê Quang H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu Lê Quang L cho chị L có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Đồng thời, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn anh Lê Văn H đều vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Khánh L và anh Lê Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/7/2004. Việc kết hôn của chị L và anh H tuân theo các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 và đảm bảo thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị L làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị L, anh H phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng lại không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường hay cãi nhau, có khi còn xảy ra xô sát. Hơn nữa qua xác minh thực tế tại địa phương nơi các đương sự đang cư trú thì được biết anh H là đối tượng nghiện ma túy và gia đình đề nghị được quản lý cho anh H tự cai nghiện. Anh H xác định anh đã cai nghiện tốt nhưng chị L lại cho rằng anh H không thay đổi mà thường hay tìm cách cản trở làm khó chị trong cuộc sống sinh hoạt. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được mà đôi bên còn có những lời nói

và hành động thiếu tế nhị xúc phạm nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị Trương Thị Khánh L và anh Lê Văn H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh H có hai con chung là Lê Quang H, sinh ngày 01/01/2006 và Lê Quang L, sinh ngày 16/9/2012. Xét thấy, cháu H đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống với bố còn cháu Long còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Huy cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị L đều xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 17/9/2018 và biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 22/10/2018 thì anh H đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cũng như không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này. Tuy nhiên, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/01/2019 thì anh H lại xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất khoảng 400m² và yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn. Tại phiên hòa giải nói trên, Thẩm phán đã giải thích các quy định của pháp luật đối với yêu cầu của anh H và anh H đã đồng ý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản (10/01/2019) anh H sẽ có đơn và xuất trình các tài liệu chứng cứ kèm theo cho Tòa án để được xem xét. Tuy nhiên, đến nay anh H vẫn không có đơn và không xuất trình cụ thể tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung như anh H đã khai nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung trong vụ án này mà cần tách ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi các đương sự có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện sau khi ly hôn.

[5] *Về nợ chung*: Chị L và anh H xác định có nợ của chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đức Trọng số tiền 450.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên và tại bản tự khai của mình anh H cũng thống nhất theo yêu cầu của chị L. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ngân hàng, đến ngày 24/10/2018 Ngân hàng có văn bản về việc cung cấp thông tin cho Tòa án về việc vay vốn của khách hàng Lê Văn H và Trương Thị Khánh L, tuy nhiên Ngân hàng không thể hiện quan điểm cụ thể về việc yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ vay như thế nào khi chị L và anh H ly hôn. Do đó, ngày 10/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tiếp tục có công văn đề nghị Ngân hàng nêu rõ quan điểm của mình đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, đến nay Agribank chi nhánh Đ vẫn không có văn bản trình bày cụ thể ý kiến của mình còn anh H đến ngày 10/01/2019 có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng cũng không có đơn yêu cầu cụ thể, không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đồng thời tại phiên tòa chị L xác định đã tự thỏa thuận giải quyết trong gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án này nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Trương Thị Khánh L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Khánh L, xử cho chị Trương Thị Khánh L và anh Lê Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Lê Quang H, sinh ngày 01/01/2006 cho anh Lê Văn H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Đồng thời giao con là Lê Quang L, sinh ngày 16/9/2012 cho chị Trương Thị Khánh L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Khánh L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000719 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2019); riêng anh H và Agribank chi nhánh Đức Trọng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã T;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy

